



Ký bởi: TRUNG TÂM THÔNG TIN VĂN PH
BAN NHÂN DÂN TỈNH, TỈNH SƠN LA
Cơ quan: TRUNG TÂM THÔNG TIN VĂN PH
BAN NHÂN DÂN TỈNH, TỈNH SƠN LA
Ngày ký: 23-09-2026 15:03:35 +07:00



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 58

Ngày 15 tháng 09 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 51/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	3
28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 52/NQ-HĐND về việc gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2026 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương không đáp ứng thời gian bố trí vốn theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công (đợt 3)	7
28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 53/NQ-HĐND bổ sung dự toán năm 2026 vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước	8
28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 54/NQ-HĐND về việc bổ sung dự toán vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước năm 2026 Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường	10
28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 55/NQ-HĐND về việc bổ sung dự toán vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước năm 2026 Đơn vị: Sở Y tế	12

28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 57/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (đợt 1)	14
28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 59/NQ-HĐND về việc phân bổ dự toán chi thường xuyên và kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030	20
28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 60/NQ-HĐND về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	30
28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 61/NQ-HĐND thông qua danh mục bổ sung, hủy bỏ các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2026 (đợt 2)	35
	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 62/NQ-HĐND thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh	41
28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 63/NQ-HĐND điều chỉnh diện tích, thông tin Dự án đường giao thông + Cơ sở hạ tầng khác (thuộc Dự án 1) - Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	49
28-08-2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 64/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Nâng cấp tuyến đường liên bản Cắm Cạn - Pá Sàng đi trung tâm xã Mường Bám, tỉnh Sơn La	52

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường
bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư các dự án đường bộ theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Công văn số 871/TTg-KTTH ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 đối với số vốn còn lại chưa phân bổ tại Nghị quyết số 27/2026/QH16 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 11996/BXD-KHTC ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc đề nghị giao quản lý quốc lộ trong quy hoạch mạng lưới đường bộ có cấp kỹ thuật là đường cao tốc;

Căn cứ Công văn số 12490/BTC-KTĐP ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sơn La;

Xét Tờ trình số 660/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 154/BC-KTNS ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

I. Tên dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

II. Nội dung điều chỉnh

1. Quy mô đầu tư

- Mặt cắt ngang: Đầu tư mở rộng mặt cắt ngang theo quy mô giai đoạn hoàn chỉnh, Bn=22,0m gồm: 04 làn xe cơ giới rộng $4 \times 3,5\text{m} = 14\text{m}$; 02 làn dừng xe khẩn cấp rộng $2 \times 2,5\text{m} = 5\text{m}$; dải phân cách giữa và dải an toàn rộng 1,5m; phần lề đường rộng $2 \times 0,75\text{m} = 1,5\text{m}$ theo TCVN 5729:2012. Trong đó giai đoạn phân kỳ đã đầu tư 10,304 km với quy mô nền đường giai đoạn hoàn chỉnh.

- Mặt đường: Xây dựng theo cấp đường và quy mô hoàn chỉnh.

- Công trình trên tuyến: Xây dựng vĩnh cửu, quy mô xây dựng phù hợp với quy mô của cấp đường theo giai đoạn hoàn chỉnh.

- Nút giao: Đầu tư bổ sung nút giao liên thông Phiêng Luông (IC7) tại Km 84 + 700 theo quy hoạch để kết nối với Khu du lịch quốc gia Mộc Châu.

- Gia cố mái ta luy: Bổ sung gia cố mái ta luy để ổn định công trình, đảm bảo an toàn cho các phương tiện khi tham gia giao thông.

- Công trình phục vụ khai thác: Đầu tư đồng bộ trạm thu phí, trạm kiểm tra tải trọng xe, hệ thống giao thông thông minh (ITS) cùng nhà điều hành để quản lý, kiểm soát các phương tiện lưu thông trên cao tốc.

- Hệ thống an toàn giao thông, hệ thống chiếu sáng, các công trình phòng hộ và các công trình khác trên tuyến được xây dựng đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và phù hợp với quy mô đầu tư hoàn chỉnh của dự án.

2. Tổng mức đầu tư dự án điều chỉnh: Khoảng 9.964,0 tỷ đồng.

3. Cơ cấu nguồn vốn

- Ngân sách Trung ương: 8.426 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh: 1.538 tỷ đồng.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Vân Hồ, xã Tô Múa và phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2029.

6. Tiến độ thực hiện dự án

- Năm 2023 - 2026: Chuẩn bị dự án, thực hiện dự án.

- Năm 2027 - 2029: Thực hiện dự án, xây dựng hoàn thành công trình, quyết toán dự án hoàn thành.

7. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Năm	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng
1	Năm 2023 - 2025	3.062,309	0,0	3.062,309
2	Năm 2026 - 2029	5.363,691	1.538,0	6.901,691
	Tổng cộng	8.426,0	1.538,0	9.964,0

8. Phân chia các dự án thành phần

a) Dự án thành phần 1

- Tên dự án: Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận xã Vân Hồ và xã Tô Múa.

- Tổng chiều dài dự án khoảng 33,11km.

- Tổng mức đầu tư dự án sau điều chỉnh khoảng 756 tỷ đồng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2026.

b) Dự án thành phần 2

- Tên dự án: Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận phường Vân Sơn.

- Tổng chiều dài dự án khoảng 1,06km.

- Tổng mức đầu tư dự án sau điều chỉnh khoảng 63,298 tỷ đồng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2026.

c) Dự án thành phần 3

- Tên dự án: Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông (giai đoạn 1).

- Tổng chiều dài dự án khoảng 32,07km.

- Tổng mức đầu tư dự án sau điều chỉnh khoảng 4.118,702 tỷ đồng.
- Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2029.
- d) Dự án thành phần 4 (dự án mở rộng quy mô từ 02 làn xe lên 04 làn xe)
- Tên dự án: Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông.
- Tổng chiều dài dự án khoảng 32,07km.
- Tổng mức đầu tư dự án khoảng 5.026 tỷ đồng.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2029.

9. Các nội dung khác

Không điều chỉnh tại Nghị quyết này, thực hiện theo Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2024 của HĐND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Dự án điều chỉnh theo Điều 1 Nghị quyết này chỉ được phép triển khai thực hiện khi có thông báo vốn chính thức của cấp có thẩm quyền.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2026 đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương không đáp ứng thời gian bố trí vốn theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công (đợt 3)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;

Xét Tờ trình số 638/TTr-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 154/BC-KTNS ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho phép gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sang năm 2026 đối với 02 dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương không đáp ứng thời gian bố trí vốn theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Số: 53/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Bổ sung dự toán năm 2026 vốn viện trợ không hoàn lại
của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYỂN ĐỀ THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15
ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6
năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính
phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển
chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân
sách nhà nước năm 2026;*

*Xét Tờ trình số 636/TTr-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 145/BC-VHXXH ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Văn hóa -
Xã hội của HĐND tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán năm 2026 vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước để thực hiện dự án "*Cải thiện sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho người dân*" tại tỉnh Sơn La do Tổ chức HealthBridge Foundation of Canada tài trợ, như sau:

1. Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026, từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, số tiền: 5.213.255.000 đồng (*Năm tỷ, hai trăm mười ba triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

2. Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước cho Sở Y tế, số tiền: 5.213.255.000 đồng (*Năm tỷ, hai trăm mười ba triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung dự toán vốn viện trợ không hoàn lại
của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước năm 2026
Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Xét Tờ trình số 606/TTr-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-DT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung dự toán vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước năm 2026, như sau:

1. Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (*Ngân sách tỉnh*) năm 2026 từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, số tiền: 2.860,044 triệu đồng (*Hai tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng chẵn*).

2. Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương (*Ngân sách tỉnh*) năm 2026 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện các dự án cụ thể sau:

- Dự án “Thích ứng xanh và bền vững cho các cộng đồng dân tộc thiểu số tại Sơn La, Việt Nam (*Dự án MekongElevate*)”, số tiền: 1.500 triệu đồng (*Một tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn*).

- Dự án “Thực phẩm bền vững từ Chăn nuôi và Thủy sản tại tỉnh Sơn La (SAAF)” do Tổ chức The CGIAR Trust Fund – Quỹ tín thác CGIAR tài trợ (*thông qua Tổ chức International Livestock Research Institute (ILRI) và The Centro Internacional De Agricultura Tropical (CIAT)*), số tiền: 1.360,044 triệu đồng (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng chẵn*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Số: 55/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung dự toán vốn viện trợ không hoàn lại
của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước năm 2026
Đơn vị: Sở Y tế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Xét Tờ trình số 558/TTr-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-DT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước năm 2026 để thực hiện dự án "*Cải thiện sinh kế của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Sơn La thông qua nông nghiệp và cải thiện dinh dưỡng*" do Bộ Ngoại giao Nhật Bản (JMOFA) tài trợ thông qua Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Quốc tế (SCI) tại Việt Nam, như sau:

1. Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026, từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, số

tiền: 1.362.733.063 đồng (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, không trăm sáu mươi ba đồng*).

2. Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước cho Sở Y tế, số tiền: 1.362.733.063 đồng (*Một tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, không trăm sáu mươi ba đồng*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
trung ương giai đoạn 2026 - 2030 Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh
tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn
2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (đợt 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2026 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 641/TTr-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-DT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 (đợt 1) như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026 - 2030: 2.600.520 triệu đồng.

2. Nội dung phân bổ:

a) Ngân sách cấp tỉnh (30% vốn ngân sách trung ương giao): 780.156 triệu đồng (phân bổ chi tiết sau khi rà soát, bảo đảm các dự án đáp ứng đúng nguyên tắc, tiêu chí, đối tượng của Chương trình và đánh giá hiệu quả đầu tư của từng dự án).

b) Ngân sách cấp xã (70% vốn ngân sách trung ương giao): 1.820.364 triệu đồng.

(có Biểu chi tiết kèm theo)

3. Nguồn vốn

Vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, kỳ họp chuyên đề thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 (đợt 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
	Tổng số	2.600.520	
I	Cấp tỉnh (30% tổng vốn ngân sách trung ương)	780.156	
II	Cấp xã (70% tổng vốn ngân sách trung ương)	1.820.364	
1	Xã Mai Sơn	13.249	
2	Xã Đoàn Kết	27.822	
3	Xã Lóng Sập	26.056	
4	Xã Chiềng Sơn	25.614	
5	Xã Tân Yên	23.848	
6	Xã Phù Yên	24.289	
7	Xã Gia Phù	26.056	
8	Xã Tường Hạ	27.822	
9	Xã Mường Cơi	24.731	
10	Xã Mường Bang	26.939	
11	Xã Tân Phong	25.172	
12	Xã Kim Bon	26.056	
13	Xã Suối Tọ	25.614	
14	Xã Chiềng Mai	27.381	
15	Xã Phiêng Păn	31.797	
16	Xã Chiềng Mung	22.523	
17	Xã Phiêng Cằm	28.705	
18	Xã Mường Chanh	22.523	
19	Xã Tà Hộc	25.614	

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
20	Xã Chiềng Sung	25.172	
21	Xã Thuận Châu	27.380	
22	Xã Nậm Lầu	33.122	
23	Xã Mường É	28.705	
24	Xã Bình Thuận	22.523	
25	Xã Chiềng La	27.381	
26	Xã Mường Bám	26.939	
27	Xã Muối Nội	29.147	
28	Xã Long Hẹ	26.056	
29	Xã Mường Khiêng	36.213	
30	Xã Co Mạ	32.238	
31	Xã Bó Sinh	30.913	
32	Xã Chiềng Khương	29.147	
33	Xã Mường Hung	31.355	
34	Xã Chiềng Khoong	31.355	
35	Xã Mường Lầm	26.497	
36	Xã Nậm Ty	28.705	
37	Xã Sông Mã	25.172	
38	Xã Huổi Một	29.147	
39	Xã Chiềng Sơ	25.614	
40	Xã Vân Hồ	30.472	
41	Xã Tô Múa	26.939	
42	Xã Song Khủa	29.147	
43	Xã Xuân Nha	26.939	
44	Xã Sốp Cộp	32.238	
45	Xã Mường Lạn	27.822	
46	Xã Púng Bính	28.705	
47	Xã Mường Lèo	25.614	

STT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
48	Xã Bắc Yên	28.264	
49	Xã Tạ Khoa	25.614	
50	Xã Pắc Ngà	26.939	
51	Xã Chiềng Sại	25.172	
52	Xã Tà Xùa	26.939	
53	Xã Xím Vàng	25.614	
54	Xã Ngọc Chiến	23.406	
55	Xã Mường La	26.056	
56	Xã Chiềng Lao	27.822	
57	Xã Mường Bú	31.355	
58	Xã Chiềng Hoa	30.472	
59	Xã Mường Chiên	26.939	
60	Xã Mường Giôn	26.939	
61	Xã Quỳnh Nhai	26.939	
62	Xã Mường Sại	26.056	
63	Xã Yên Châu	25.614	
64	Xã Chiềng Hặc	28.264	
65	Xã Yên Sơn	26.056	
66	Xã Lóng Phiêng	26.939	
67	Xã Phiêng Khoài	26.497	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ dự toán chi thường xuyên và kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây

xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương, UBND tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030; Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ quan trung ương và UBND các tỉnh, thành phố; Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 1628/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 3) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2026 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2026 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn I: từ 2025 đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 642/TTr-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2026 và Tờ trình số 689/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-DT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán chi thường xuyên và kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030

1.1. Dự toán chi thường xuyên

a) Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2026 cho các xã số tiền: 97.420 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí

- Dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026, số tiền 96.120 triệu đồng.

- Dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương 2026 (đợt 3) giao tại Quyết định số 1628/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2026, số tiền 1.300 triệu đồng.

1.2. Kế hoạch đầu tư công năm 2026

a) Phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 là: 276.430 triệu đồng. Cụ thể:

- Ngân sách cấp tỉnh quản lý (30% vốn ngân sách Trung ương giao): 82.929 triệu đồng (phân bổ chi tiết sau khi rà soát, bảo đảm các dự án đáp ứng đúng nguyên tắc, tiêu chí, đối tượng của Chương trình và đánh giá hiệu quả đầu tư của từng dự án).

- Ngân sách cấp xã quản lý (70% vốn ngân sách Trung ương giao): 193.501 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí

Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách trung ương 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030

2.1. Dự toán chi thường xuyên

a) Phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030: 72.576 triệu đồng.

Trong đó:

- Cấp tỉnh: 17.250 triệu đồng.

- Cấp xã: 55.326 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí

Dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026.

2.2. Kế hoạch đầu tư công năm 2026

a) Phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 là: 187.075 triệu đồng. Cụ thể:

- Ngân sách cấp tỉnh quản lý: 8.000 triệu đồng (*phân bổ chi tiết sau khi rà soát, bảo đảm các dự án đáp ứng đúng nguyên tắc, tiêu chí, đối tượng của Chương trình và đánh giá hiệu quả đầu tư của từng dự án*).

- Ngân sách cấp xã quản lý: 179.075 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026.

(chi tiết tại Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI; GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030; CHƯƠNG
TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2025 - 2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2025 ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số 59 /NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó					Ghi chú	
			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030	Trong đó		
				Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công		Dự toán chi thường xuyên		Kế hoạch đầu tư công
	Tổng cộng	633.501	373.850	97.420	276.430	259.651	72.576	187.075	
I	Cấp tỉnh	108.179	82.929		82.929	25.250	17.250	8.000	
II	Cấp xã	525.322	290.921	97.420	193.501	234.401	55.326	179.075	
1	Phường Tô Hiệu	5.042	-			5.042	1.183	3.859	
2	Phường Chiềng An	2.415	-			2.415	550	1.865	
3	Phường Chiềng Cơi	1.457	-			1.457	342	1.115	
4	Phường Chiềng Sinh	349	-			349	349		
5	Xã Thuận Châu	10.015	4.383	1.473	2.910	5.632	1.321	4.311	
6	Xã Chiềng La	7.584	4.257	1.347	2.910	3.327	780	2.547	

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó						Ghi chú
			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035	Trong đó		
				Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công		Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công	
7	Xã Bình Thuận	7.494	3.734	1.340	2.394	3.760	550	3.210	
8	Xã Mường Khiêng	9.529	6.004	2.155	3.849	3.525	827	2.698	
9	Xã Nậm Lầu	8.982	5.493	1.972	3.521	3.489	818	2.671	
10	Xã Muối Nọi	8.085	4.832	1.734	3.098	3.253	763	2.490	
11	Xã Co Mạ	5.944	5.152	1.725	3.427	792	792		
12	Xã Long Hẹ	6.958	4.222	1.452	2.770	2.736	299	2.437	
13	Xã Mường É	7.887	4.629	1.578	3.051	3.258	764	2.494	
14	Xã Mường Bám	8.146	4.274	1.410	2.864	3.872	800	3.072	
15	Xã Quỳnh Nhai	7.745	4.421	1.557	2.864	3.324	500	2.824	
16	Xã Mường Sại	7.463	4.320	1.550	2.770	3.143	737	2.406	
17	Xã Mường Giôn	7.995	4.468	1.604	2.864	3.527	827	2.700	
18	Xã Mường Chiên	6.212	3.123	260	2.863	3.089	300	2.789	
19	Xã Mai Sơn	5.396	1.478	70	1.408	3.918	919	2.999	
20	Xã Chiềng Sung	7.371	4.174	1.498	2.676	3.197	750	2.447	
21	Xã Chiềng Mai	7.325	3.900	990	2.910	3.425	803	2.622	
22	Xã Phiêng Păn	8.886	5.168	1.788	3.380	3.718	872	2.846	

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó						Ghi chú
			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035	Trong đó		
				Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công		Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công	
23	Xã Chiềng Mung	7.816	3.446	1.052	2.394	4.370	1.000	3.370	
24	Xã Phiêng Cầm	8.242	4.759	1.708	3.051	3.483	817	2.666	
25	Xã Mường Chanh	6.645	3.509	1.115	2.394	3.136	736	2.400	
26	Xã Tà Hộc	3.964	3.964	1.241	2.723	-			
27	Xã Yên Châu	8.754	4.091	1.368	2.723	4.663	1.094	3.569	
28	Xã Chiềng Hặc	8.173	4.686	1.682	3.004	3.487	818	2.669	
29	Xã Phiêng Khoài	9.872	4.394	1.577	2.817	5.478	1.285	4.193	
30	Xã Lóng Phiêng	7.399	4.189	1.326	2.863	3.210	753	2.457	
31	Xã Yên Sơn	7.504	4.321	1.551	2.770	3.183	747	2.436	
32	Xã Phù Yên	7.785	4.026	1.444	2.582	3.759	882	2.877	
33	Xã Mường Cơi	4.906	4.102	1.473	2.629	804	804		
34	Xã Tường Hạ	7.671	4.457	1.500	2.957	3.214	754	2.460	
35	Xã Kim Bôn	6.787	4.100	1.330	2.770	2.687	300	2.387	
36	Xã Tân Phong	7.292	4.174	1.498	2.676	3.118	731	2.387	
37	Xã Mường Bang	7.906	4.467	1.603	2.864	3.439	807	2.632	
38	Xã Gia Phù	7.383	4.054	1.284	2.770	3.329	781	2.548	

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó						Ghi chú
			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035	Trong đó		
				Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công		Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công	
39	Xã Suối Tọ	4.993	4.247	1.524	2.723	746	746		
40	Xã Bắc Yên	5.499	4.686	1.682	3.004	813	813		
41	Xã Tà Xùa	6.755	4.189	1.326	2.863	2.566		2.566	
42	Xã Xím Vàng	8.465	4.247	1.524	2.723	4.218	989	3.229	
43	Xã Tạ Khoa	8.506	4.223	1.500	2.723	4.283	1.005	3.278	
44	Xã Pắc Ngà	6.626	3.564	700	2.864	3.062	610	2.452	
45	Xã Chiềng Sại	7.273	4.174	1.498	2.676	3.099	727	2.372	
46	Xã Sông Mã	7.517	4.128	1.452	2.676	3.389	795	2.594	
47	Xã Bó Sinh	5.682	4.906	1.620	3.286	776	776		
48	Xã Mường Lăm	7.585	4.269	1.452	2.817	3.316	778	2.538	
49	Xã Nậm Ty	8.149	4.759	1.708	3.051	3.390	795	2.595	
50	Xã Chiềng Sơ	7.543	4.247	1.524	2.723	3.296	773	2.523	
51	Xã Chiềng Khoang	7.917	4.333	1.000	3.333	3.584	841	2.743	
52	Xã Huổi Một	8.100	4.718	1.620	3.098	3.382	793	2.589	
53	Xã Mường Hung	8.661	5.100	1.767	3.333	3.561	835	2.726	
54	Xã Chiềng Khương	8.171	4.833	1.735	3.098	3.338	783	2.555	

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó						Ghi chú
			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giải	Trong đó		
				Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công		Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công	
55	Xã Sốp Cộp	10.113	5.237	1.810	3.427	4.876	1.144	3.732	
56	Xã Púng Bính	8.018	4.351	1.300	3.051	3.667	860	2.807	
57	Xã Mường Lạn	8.011	4.613	1.656	2.957	3.398	797	2.601	
58	Xã Mường Lèo	7.064	4.007	1.284	2.723	3.057	400	2.657	
59	Phường Mộc Châu	3.407	-			3.407	799	2.608	
60	Phường Mộc Sơn	2.166	-			2.166	508	1.658	
61	Phường Thảo Nguyên	1.386	-			1.386	325	1.061	
62	Phường Vân Sơn	1.256	-			1.256	295	961	
63	Xã Lóng Sập	6.860	3.570	800	2.770	3.290	772	2.518	
64	Xã Đoàn Kết	7.827	4.367	1.410	2.957	3.460	800	2.660	
65	Xã Tân Yên	7.095	3.692	1.157	2.535	3.403	798	2.605	
66	Xã Chiềng Sơn	7.602	4.248	1.525	2.723	3.354	787	2.567	
67	Xã Vân Hồ	8.689	5.052	1.813	3.239	3.637	853	2.784	
68	Xã Tô Múa	8.719	4.466	1.603	2.863	4.253	998	3.255	
69	Xã Song Khùa	8.194	4.833	1.735	3.098	3.361	788	2.573	
70	Xã Xuân Nha	5.261	4.467	1.603	2.864	794	794		

STT	Đơn vị	Tổng số	Trong đó						Ghi chú
			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035	Trong đó		
				Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công		Dự toán chi thường xuyên	Kế hoạch đầu tư công	
71	Xã Mường La	7.960	4.075	1.305	2.770	3.885	911	2.974	
72	Xã Mường Bú	8.438	5.164	1.831	3.333	3.274	555	2.719	
73	Xã Chiềng Hoa	8.614	5.052	1.813	3.239	3.562	836	2.726	
74	Xã Chiềng Lao	8.170	4.451	1.494	2.957	3.719	872	2.847	
75	Xã Ngọc Chiến	6.651	3.882	1.394	2.488	2.769	220	2.549	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu
quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương, UBND tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ Công an phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 147/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 633/TTr-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 124/BC-PC ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, số tiền 46.156 triệu đồng (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Nguồn kinh phí: Dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030, được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026.

Điều 2. Phần kinh phí còn lại chưa phân bổ, số tiền 2.844 triệu đồng, giao UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo rà soát, tổng hợp nhu cầu phát sinh của các cơ quan, đơn vị, địa phương để phân bổ chi tiết bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, đúng đối tượng, đáp ứng các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh trong công tác phòng, chống ma túy; định kỳ báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất theo đúng quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG MA TÚY ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị, địa phương	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	46.156	
I	Cấp tỉnh	9.560	
1	Công an tỉnh	7.510	
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.800	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	250	
II	Cấp xã	36.596	
1	Phường Tô Hiệu	410	
2	Phường Chiềng An	500	
3	Phường Chiềng Cơi	500	
4	Phường Chiềng Sinh	500	
5	Xã Chiềng Mai	484	
6	Xã Mai Sơn	483	
7	Xã Phiêng Păn	485	
8	Xã Chiềng Mung	514	
9	Xã Phiêng Cằm	400	
10	Xã Mường Chanh	483	
11	Xã Tà Hộc	330	
12	Xã Chiềng Sung	330	
13	Xã Yên Châu	50	
14	Xã Chiềng Hặc	519	
15	Xã Lóng Phiêng	484	
16	Xã Yên Sơn	330	
17	Xã Phiêng Khoài	519	
18	Phường Mộc Châu	692	
19	Phường Mộc Sơn	650	
20	Phường Vân Sơn	500	

STT	Đơn vị, địa phương	Số tiền	Ghi chú
21	Phường Thảo Nguyên	484	
22	Xã Đoàn Kết	346	
23	Xã Lóng Sập	967	
24	Xã Chiềng Sơn	692	
25	Xã Tân Yên	519	
26	Xã Phù Yên	510	
27	Xã Gia Phù	310	
28	Xã Tường Hạ	385	
29	Xã Mường Cơi	500	
30	Xã Mường Bang	325	
31	Xã Tân Phong	322	
32	Xã Kim Bon	485	
33	Xã Suối Tọ	382	
34	Xã Bắc Yên	484	
35	Xã Tà Xùa	519	
36	Xã Tà Khoa	346	
37	Xã Xím Vàng	330	
38	Xã Pắc Ngà	519	
39	Xã Chiềng Sại	320	
40	Xã Mường La	519	
41	Xã Chiềng Lao	927	
42	Xã Mường Bú	450	
43	Xã Chiềng Hoa	519	
44	Xã Ngọc Chiến	645	
45	Xã Quỳnh Nhai	483	
46	Xã Mường Chiên	300	
47	Xã Mường Giôn	490	
48	Xã Mường Sại	346	
49	Xã Thuận Châu	485	
50	Xã Chiềng La	346	

STT	Đơn vị, địa phương	Số tiền	Ghi chú
51	Xã Nậm Lầu	484	
52	Xã Muối Nội	519	
53	Xã Mường Khiêng	519	
54	Xã Co Mạ	519	
55	Xã Bình Thuận	484	
56	Xã Mường É	519	
57	Xã Long Hẹ	519	
58	Xã Mường Bám	967	
59	Xã Bó Sinh	519	
60	Xã Chiềng Khương	519	
61	Xã Mường Hung	692	
62	Xã Chiềng Khoong	645	
63	Xã Mường Lầm	645	
64	Xã Nậm Ty	645	
65	Xã Sông Mã	480	
66	Xã Huổi Một	670	
67	Xã Chiềng Sơ	519	
68	Xã Sốp Cộp	500	
69	Xã Púng Bính	346	
70	Xã Mường Lạn	484	
71	Xã Mường Lèo	346	
72	Xã Vân Hồ	519	
73	Xã Song Khủa	300	
74	Xã Tô Múa	300	
75	Xã Xuân Nha	519	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung, hủy bỏ các khu đất thực hiện
đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2026 (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;

Xét Tờ trình số 630/TTr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 154/BC-KTNS ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung, hủy bỏ các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2026 (đợt 2), như sau:

1. Bổ sung danh mục 03 khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 của Luật Đất đai năm 2024 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 274/2026/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ (chi tiết có Biểu số 01 kèm theo.).

2. Hủy bỏ danh mục 02 khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (gồm: 01 khu đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 của Luật Đất đai năm 2024; 01 khu đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 của Luật Đất đai năm 2024) (chi tiết có Biểu số 02 kèm theo.).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

Biểu số 01
BỔ SUNG DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẦU THẦU
LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THEO ĐIỂM B KHOẢN 1 ĐIỀU 126 LUẬT ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh)

STT	Địa điểm thực hiện	Dự kiến tên dự án	Diện tích (ha)	Thông tin về hiện trạng khu đất	Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu	Dự kiến phân công thực hiện công tác đấu thầu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Xã Mai Sơn	Dự án Điện mặt trời Mai Sơn 5	285	1. Khu đất chưa giải phóng mặt bằng 2. Sự phù hợp với quy hoạch: - Quy hoạch cấp tỉnh: Dự án thuộc danh mục các dự án điện mặt trời theo Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 và được điều chỉnh tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La. - Quy hoạch cấp xã: Phù hợp với quy hoạch chung nông thôn xã Mai Sơn 3. Thuộc trường hợp thu hồi đất theo Khoản 5, Điều 79 Luật Đất đai 2024	2026 - 2027	- Bước thông tin dự án: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. - Bước mời quan tâm: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và PTĐT tỉnh Sơn La hoặc UBND xã Mai Sơn;	
2	Xã Mai Sơn	Dự án Điện mặt trời Mai Sơn 7	397	1. Khu đất chưa giải phóng mặt bằng 2. Sự phù hợp với quy hoạch:	2026-2027	- Bước thông tin dự án: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	

STT	Địa điểm thực hiện	Dự kiến tên dự án	Diện tích (ha)	Thông tin về hiện trạng khu đất	Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu	Dự kiến phân công thực hiện công tác đấu thầu	Ghi chú
				- Quy hoạch cấp tỉnh: Dự án thuộc danh mục các dự án điện mặt trời theo Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 và được điều chỉnh tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La. - Quy hoạch cấp xã: Phù hợp với quy hoạch chung nông thôn xã Mai Sơn. 3. Thuộc trường hợp thu hồi đất theo Khoản 5, Điều 79 Luật Đất đai 2024		- Bước mời quan tâm: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và PTĐT tỉnh Sơn La hoặc UBND xã Mai Sơn;	
3	Xã Mai Sơn, Yên Châu, Yên Sơn	Dự án Điện Mặt trời Yên Châu 4	183,92	1. Khu đất chưa giải phóng mặt bằng 2. Sự phù hợp với quy hoạch: - Quy hoạch cấp tỉnh: Nằm trong điều chỉnh quy hoạch điện VIII tại Quyết định số 786/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 và Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh quy hoạch điện VIII tại 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh.	2026 - 2027	- Bước thông tin dự án: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. - Bước mời quan tâm: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và PTĐT tỉnh Sơn La hoặc UBND xã Mai Sơn, UBND xã Yên Châu, UBND xã Yên Sơn.	

STT	Địa điểm thực hiện	Dự kiến tên dự án	Diện tích (ha)	Thông tin về hiện trạng khu đất	Dự kiến tiến độ thực hiện công tác đấu thầu	Dự kiến phân công thực hiện công tác đấu thầu	Ghi chú
				Thông tin về hiện trạng khu đất - Quy hoạch cấp xã: Phù hợp với quy hoạch chung nông thôn xã Mai Sơn, xã Yên Châu, xã Yên Sơn. 3. Thuộc trường hợp thu hồi đất theo Khoản 5, Điều 79 Luật Đất đai 2024			

Biểu số 02
HỦY BỎ DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT THỰC HIỆN ĐẦU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh)

STT	Địa điểm thực hiện	Tên dự án (dự kiến)	Diện tích (ha)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Hủy bỏ danh mục 01 khu đất đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 của Luật Đất đai năm 2024			
1	Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ và xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	Khu dân cư mới (khu 2.5.2.6, 2.10) tại xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, Xã Chiềng Khoa huyện Vân Hồ, thuộc Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	58,38	Tại số thứ tự số 1 Mục I phần A - Biểu danh mục kèm theo Nghị quyết số 440/NQ-HĐND ngày 30/12/2024 của HĐND tỉnh
II	Hủy bỏ danh mục 01 khu đất đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 của Luật Đất đai năm 2024			
1	Tổ dân phố Là Ngà 2, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Nhà máy xử lý rác thải và phát triển điện rác Mộc Châu	5,12	Tại số thứ tự số 1 Mục II phần A - Biểu số 01 kèm theo Nghị quyết số 582/NQ-HĐND ngày 21/11/2025 của HĐND tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển
kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.

Xét Tờ trình số 629/Tr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2026 và Tờ trình số 664/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 154/BC-KTNS ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh, gồm:

1. Dự án xây dựng công trình giao thông (theo khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024): gồm 9 dự án thuộc địa bàn xã Muối Nọi, Phường Chiềng Còi, phường Mộc Sơn, xã Chiềng Mung, xã Mường Bám.

2. Dự án xây dựng công trình thủy lợi (*theo khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024*): gồm 02 dự án trên địa bàn phường Mộc Sơn và xã Mường Bú.

3. Xây dựng công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (*theo khoản 5 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024*): gồm 9 dự án trên địa bàn xã Mường Cơi, Phù Yên, Gia Phù, Chiềng Lao, Mường La, Suối Tọ, Tân Yên và phường Mộc Châu.

4. Xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo được Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động (*theo khoản 16 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024*): gồm 02 dự án trên địa bàn phường Mộc Sơn, phường Chiềng Sinh.

5. Dự án bố trí sắp xếp tái định cư (*theo khoản 21 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024*): gồm 06 dự án trên địa bàn phường Chiềng Cơi, xã Chiềng Hặc, xã Mường Bú, xã Co Mạ, xã Chiềng Hoa, xã Chiềng La.

6. Dự án Cụm công nghiệp (*Khoản 22 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024*): gồm 01 dự án Cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ trên địa bàn Phường Chiềng Sinh.

7. Dự án hoạt động khai thác khoáng sản (*Khoản 25 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024*): gồm 03 dự án trên địa bàn xã Đoàn Kết, xã Chiềng Sơn, xã Yên Châu.

8. Dự án đầu tư xây dựng đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (*Khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024*): gồm 02 dự án trên địa bàn phường Chiềng Cơi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: m²

STT	Tên dự án	Tên xã, phường	Tổng diện tích được phê duyệt dự án	Diện tích cần thu hồi đất	Trường hợp (Điều 79 Luật Đất đai và Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15)	Văn bản chủ trương đầu tư dự án	
						Số Văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
1	Dự án Đường Hua Lánh - Pá Lầu	Xã Muối Nội	62.590,20	62.590,20	Khoản 1	3386/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh	Ngân sách Trung ương
2	Đường giao thông bản Hùn, phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	3.600,00	3.600,00	Khoản 1	39/QĐ-UBND ngày 14/01/2026	Nguồn thu tiền sử dụng đất
3	Tuyến đường nối đường Hoàng Quốc Việt - Khu dân cư Mé Ban, phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	1.500,00	1.500,00	Khoản 1	18/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của HĐND phường	Nguồn thu tiền sử dụng đất
4	Hạ tầng khu tái định cư và nhà ở thương mại tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban – Trần Đăng Ninh	Phường Chiềng Cơi	13.235,00	13.235,00	Khoản 27	18/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của HĐND phường	Nguồn thu tiền sử dụng đất
5	Đầu tư cơ sở hạ tầng gắn với chỉnh trang đô thị, sắp xếp dân cư, tái định cư, nhà ở thương mại đầu tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh	Phường Chiềng Cơi	22.817,00	22.817,00	Khoản 27	18/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của HĐND phường	Nguồn thu tiền sử dụng đất

STT	Tên dự án	Tên xã, phường	Tổng diện tích được phê duyệt dự án	Diện tích cần thu hồi đất	Trường hợp (Điều 79 Luật Đất đai và Khoản 2 Điều 3 Nghị	Văn bản chủ trương đầu tư dự án	
						Số Văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
6	Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Lun, phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	27.000,00	27.000,00	Khoản 21	1852/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND tỉnh	Nguồn dự phòng NSTW
7	Dự án hai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp và chế biến sâu các sản phẩm từ đá tại bản suối Ngõa, xã Đoàn Kết	Xã Đoàn Kết	145.200,00	145.200,00	Khoản 25	2361/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh	Nhà đầu tư
8	Dự án Khai thác khoáng sản đất san lấp tại điểm mỏ Chiềng Ve, xã Chiềng Sơn	Xã Chiềng Sơn	70.000,00	70.000,00	Khoản 25	815/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND tỉnh	Nhà đầu tư
9	Cải tạo, nâng cấp kè chống sạt lở Suối Mon đoạn qua phường Mộc Sơn	Phường Mộc Sơn	5.749,00	629,00	Khoản 2	1696/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND tỉnh	Nguồn dự phòng NSTW
10	Đường giao thông từ TDP Na Áng, phường Mộc Sơn đi TDP Vật Hồng, phường Mộc Châu	Phường Mộc Sơn	37.606,00	31.306,00	Khoản 1	533/QĐ-UBND ngày 24/6/2026 của UBND phường Mộc Sơn	Nguồn thu tiền sử dụng đất
11	Cầu qua đập tràn khu Hong Lau thuộc tổ dân phố Na Áng, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La	Phường Mộc Sơn	2.900,00	2.231,00	Khoản 1	136/QĐ-UBND ngày 13/2/2026 của UBND phường	Nguồn thu tiền sử dụng đất

STT	Tên dự án	Tên xã, phường	Tổng diện tích được phê duyệt dự án	Diện tích cần thu hồi đất	Trường hợp (Điều 79 Luật Đất đai và Khoản 2 Điều 3 Nghị	Văn bản chủ trương đầu tư dự án	
						Số Văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
12	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ thuộc trường Tiểu học và THCS Đông Sang (giai đoạn 1)	Phường Mộc Sơn	12.400,00	8.000,00	Khoản 16	220/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND phường	Nguồn thu tiền sử dụng đất
13	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông Tổ dân phố Pa Phách	Phường Mộc Sơn	32.410,00	6.945,00	Khoản 1	394/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	Nguồn thu tiền sử dụng đất
14	Dự án nâng cấp mặt đường, sửa chữa công trình trên tuyến đường từ Quốc lộ 6 - Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Mung	3.767,50	3.767,50	Khoản 1	934/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	Ngân sách tỉnh
15	Nhà máy điện gió Risen Phù Yên	Xã Mường Cơi	288.093,00	288.093,00	Khoản 5	1399/QĐ-UBND ngày 05/06/2026 của UBND tỉnh Sơn La	Vốn ngoài ngân sách
		Xã Phù Yên	175.790,90	175.790,90		1399/QĐ-UBND ngày 05/06/2026 của UBND tỉnh Sơn La	Vốn ngoài ngân sách
16	Dự án Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Hang Hóc, bản Khẩu Khoang, xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	35.195,00	35.195,00	Khoản 21	1805/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh	Nguồn dự phòng NSTW
17	Dự án Nâng cấp tuyến đường liên bản Cầm Cẩn - Pá Sàng đi trung tâm xã Mường Bám	Xã Mường Bám	42.400,00	42.400,00	Khoản 1	3254/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh	Nguồn dự phòng NSTW
18	Dự án Nâng cấp tuyến đường từ bản Nà Làng - bản Phèn - Pá Ban	Xã Mường Bám	44.700,00	44.700,00	Khoản 1	3022/QĐ-UBND ngày 27/11/2025	Nguồn dự phòng NSTW

STT	Tên dự án	Tên xã, phường	Tổng diện tích được phê duyệt dự án	Diện tích cần thu hồi đất	Trường hợp (Điều 79 Luật Đất đai và Khoản 2 Điều 3 Nghị	Văn bản chủ trương đầu tư dự án	
						Số Văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
						của UBND tỉnh	
19	Dự án xây dựng Công trình Xuất tuyến đường dây 22kV đồng bộ với trạm biến áp 110kV Phù Yên	Xã Gia Phù	1.147,50	590,80	Khoản 5	2250/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	Tín dụng thương mại và khấu hao cơ bản
		Xã Phù Yên	24.210,20	661,30		2250/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	
20	Dự án cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	Phường Chiềng Sinh	35.004,40	17.451,40	Khoản 16	222/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh	Ngoài ngân sách
21	Dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ (trên địa bàn phường Chiềng Sinh)	Phường Chiềng Sinh	600.000,00	69.510,80	Khoản 22	525/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh	Ngoài ngân sách
22	Dự án Thủy điện Chiềng Hắc 1 tại phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La (phần diện tích thuộc phường Mộc Châu)	Phường Mộc Châu	230.000,00	143.510,00	Khoản 5	2163/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	Ngoài ngân sách
23	Dự án: Đầu tư Khai thác mỏ đất san lấp tại bản Bát Đông, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (nay là tiểu khu 19/5, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La)	Xã Yên Châu	56.220,00	56.220,00	Khoản 25	2004/GP-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh	Ngoài ngân sách
24	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pát, xã Mường Bú, tỉnh Sơn La	Xã Mường Bú	12.644,00	12.644,00	Khoản 21	1811/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương
25	Thoát lũ Bản Giàn, xã Mường Bú, tỉnh Sơn	Xã Mường Bú	1.082,30	1.082,30	Khoản 2	336/QĐ-UBND	Nguồn thu từ

STT	Tên dự án	Tên xã, phường	Tổng diện tích được phê duyệt dự án	Diện tích cần thu hồi đất	Trường hợp (Điều 79 Luật Đất đai và Khoản 2 Điều 3 Nghị	Văn bản chủ trương đầu tư dự án	
						Số Văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
	La					ngày 15/4/2026 của UBND xã Mường Bú	tiền sử dụng đất
26	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Chổng Khoa, xã Co Mạ	Xã Co Mạ	20.000,00	20.000,00	Khoản 21	1808/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương
27	Bố trí sắp xếp dân cư vùng lũ thiên tai bản Tảo Ván Mới, xã Chiềng Hoa, tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Hoa	21.000,00	21.000,00	Khoản 21	1806/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND tỉnh	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương
28	Dự án Thủy điện Nậm Trai 5	Xã Chiềng Lao	148.399,70	148.399,70	Khoản 5	1388/QĐ-UBND ngày 05/6/2026	Ngoài ngân sách
29	Dự án Nhà máy điện mặt trời Mường La 4	Xã Mường La	399.600,00	399.600,00	Khoản 5	1818/QĐ-UBND ngày 24/7/2026	Ngoài ngân sách
30	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sạt lở tại bản Quây, xã Chiềng La	Xã Chiềng La	27.000,00	27.000,00	Khoản 21	1807/QĐ-UBND ngày 20/7/2026	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương
31	Thủy điện Suối Lạt	Xã Mường Cơi	48.200,00	48.200,00	Khoản 5	1988/QĐ-UBND ngày 05/8/2026	Ngoài ngân sách
		Xã Suối Tọ	46.300,00	46.300,00		1988/QĐ-UBND ngày 05/8/2026	Ngoài ngân sách
32	Thủy điện Suối Ngang	Xã Suối Tọ	114.300,00	114.300,00	Khoản 5	1999/QĐ-UBND ngày 05/8/2026	Ngoài ngân sách

STT	Tên dự án	Tên xã, phường	Tổng diện tích được phê duyệt dự án	Diện tích cần thu hồi đất	Trường hợp (Điều 79 Luật Đất đai và Khoản 2 Điều 3 Nghị	Văn bản chủ trương đầu tư dự án	
						Số Văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
33	Xuất tuyến trung áp sau TBA 110kV Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Phường Thảo Nguyên	3.049,00	3.049,00	Khoản 5	886/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của UBND tỉnh	Ngoài ngân sách
		Xã Tân Yên	1.792,00	1.792,00		886/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của UBND tỉnh	Ngoài ngân sách
34	Điện mặt trời nổi lòng hồ thủy điện Sơn La.	Xã Mường La	192.400,00	192.400,00	Khoản 5	989/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND tỉnh	Ngoài ngân sách
		Xã Chiềng Lao	39.200,00	39.200,00		989/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND tỉnh	Ngoài ngân sách

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh diện tích, thông tin Dự án đường giao thông + Cơ sở hạ tầng khác (thuộc Dự án 1) - Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.

Xét Tờ trình số 628//Tr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh, Báo cáo thẩm tra số 154/BC-KTNS ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh diện tích, thông tin Dự án đường giao thông + Cơ sở hạ tầng khác (thuộc Dự án 1) - Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 382/NQ-HĐND ngày 02 tháng 10 năm 2024, như sau:

1. Điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 389,15 ha thành 481,4 ha.

2. Điều chỉnh thông tin (tên dự án) thành: Dự án đường giao thông + Cơ sở hạ tầng khác (thuộc Dự án 1) - Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La

(có Biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH, THÔNG TIN DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT
XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC HÀ BÌNH - MỘC CHÁU
(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh)

STT	Đã được HĐND tỉnh thông qua				Điều chỉnh, bổ sung			
	Danh mục dự án	Số Nghị quyết	Diện tích thu hồi (ha)	Địa điểm	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa điểm	Thời gian thực hiện thu hồi đất
1	Dự án thành phần đầu tư xây dựng công trình giao thông thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	382 NQ-HĐND ngày 02/10/2024	389,15	Xã Chiềng Khoa, Mường Men, Chiềng Yên	Dự án đường giao thông + Cơ sở hạ tầng khác (thuộc Dự án 1) - Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	481,40	Xã Vân Hồ, Tô Múa	Năm 2024 - 2026
								Quyết định phê duyệt điều chỉnh 1937 QĐ-UBND ngày 31/7/2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Nâng cấp tuyến đường liên bản Cắm Cạn - Pá Sàng đi trung tâm xã Mường Bám, tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định tháo gỡ một số cơ chế, chính sách gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 639/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-DT ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án: Nâng cấp tuyến đường liên bản Cắm Cạn - Pá Sàng đi trung tâm xã Mường Bám, tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

- Quy mô, diện tích rừng chuyển mục đích: 0,158 ha.
- Địa điểm, vị trí: Tại tiểu khu 237; khoảnh 02; gồm 08 lô, thuộc địa bàn xã Mường Bám.
- Loại rừng theo chức năng: Rừng phòng hộ 0,158 ha.

- Rừng theo nguồn gốc hình thành: Rừng tự nhiên 0,158 ha.

(chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

PHỤ BIỂU DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NÂNG CẤP TUYẾN
ĐƯỜNG LIÊN BẢN CẨM CẶN - PÁ SÀNG ĐI TRUNG TÂM XÃ MUỜNG BẮM, TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh)

STT	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Trạng thái	Loại rừng theo chức năng	Rừng theo nguồn gốc hình thành	Ghi chủ
	Tổng cộng	1TK	1KH	08 lô	0,158				
1	Mường Bám	237	2	3	0,074	TXN	Phòng hộ	Rừng tự nhiên	
		237	2	5	0,028	TXX	Phòng hộ	Rừng tự nhiên	
		237	2	6	0,011	TXX	Phòng hộ	Rừng tự nhiên	
		237	2	7	0,016	TXP	Phòng hộ	Rừng tự nhiên	
		237	2	8	0,014	TXX	Phòng hộ	Rừng tự nhiên	
		237	2	9	0,003	TXP	Phòng hộ	Rừng tự nhiên	
		237	2	10	0,010	TXX	Phòng hộ	Rừng tự nhiên	
		237	2	11	0,002	TXP	Phòng hộ	Rừng tự nhiên	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Địa chỉ: Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La. Trụ sở
HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam và một số Sở,
ban, ngành tỉnh Sơn La, phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La.;

Điện thoại: 0212.3751.595;

Email: congbao@sonla.gov.vn;